

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: TOÁN 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
1	2193360040	Phạm Nguyễn Gia Bảo	07/03/2004	02KT12C1	5.0	5.0	5.0		6.8		6.1	Đạt	
2	2193360142	Phạm Gia Bảo	07/03/2004	02TM12C1	5.0	5.0	5.0		6.0		5.6	Đạt	
3	2193360107	Nguyễn Trịnh Quốc Bình	24/11/2004	02TM12C1	5.0	5.0	5.0		7.8		6.7	Đạt	
4	1193360096	Nguyễn Minh Cao	20/05/1995	02TM12C1	7.5	7.5	7.5		9.5		8.7	Đạt	
5	2193360193	Trần Tào Công	28/12/1990	02TM12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
6	2193360050	Trần Ngọc Hân	26/08/2004	02KT12C1	6.5	6.5	6.5		9.5		8.3	Đạt	
7	2193360219	Thái Gia Hân	19/12/2004	02KT12C1	7.5	7.5	7.5		8.5		8.1	Đạt	
8	2193360139	Nguyễn Thị Thanh Hằng	27/03/2004	02MK12C1	8.0	8.0	8.0		9.5		8.9	Đạt	
9	2193360173	Trương Đỗ Hoàng Hào	09/11/2004	02MK12C1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt	
10	2193360175	Lê Quang Hiến	19/04/2004	02MK12C1	5.5	5.5	5.5		9.0		7.6	Đạt	
11	2193360158	Hoàng Tuấn Hưng	20/04/2001	02TW12C1	5.5	5.5	5.5				2.2	Thi lại	
12	2193360293	Nguyễn Ngọc Cẩm Hương	05/03/2001	02MK12C1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt	
13	2193360072	Liêu Thị Hường	30/04/1990	02MK12C1	6.5	6.5	6.5		9.5		8.3	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1	
14	2193360063	Nguyễn Minh	Khang	12/06/2003	02TW12C1	10.0	10.0	10.0		8.3		9.0	Đạt	
15	2193360038	Nguyễn Trường Minh	Khoa	19/10/2004	02TW12C1	5.5	5.5	5.5		6.5		6.1	Đạt	
16	2193360092	Nguyễn Nam	Khoa	04/09/2003	02TM12C1	7.0	7.0	7.0		9.8		8.7	Đạt	
17	2193360043	Nguyễn Đăng	Khôi	15/10/2003	02TW12C1	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt	
18	2193360178	Nguyễn Hải	Lam	17/06/2004	02MK12C1	6.5	6.5	6.5		5.5		5.9	Đạt	
19	2193360091	Mai Tùng	Lâm	29/04/2004	02TM12C1	8.5	8.5	8.5		8.0		8.2	Đạt	
20	2193360006	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	05/07/2000	02KT12C1	8.0	8.0	8.0		9.3		8.8	Đạt	
21	2193360019	Nguyễn Chí	Linh	16/04/1999	02TW12C1	7.5	7.5	7.5		8.8		8.3	Đạt	
22	2193360041	Vũ Hoàng Thùy	Linh	18/02/2004	02MK12C1	6.0	6.0	6.0		10.0		8.4	Đạt	
23	2193360054	Nguyễn Hoàng Tấn	Lộc	05/08/2004	02TM12C1	5.0	5.0	5.0		8.0		6.8	Đạt	
24	2193360044	Vũ Hoàng	Long	06/05/1988	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		8.3		7.8	Đạt	
25	2193360134	Hồ Ngọc Khánh	Ly	14/12/2004	02MK12C1	7.5	7.5	7.5		9.3		8.6	Đạt	
26	2193360261	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	20/12/1996	02MK12C1	10.0	10.0	10.0		9.3		9.6	Đạt	
27	2193360291	Vũ Đức Hoàng	Nam	15/02/1999	02TW12C1	6.0	6.0	6.0		9.0		7.8	Đạt	
28	2193360070	Nguyễn Thị Kim	Ngân	22/05/2003	02MK12C1	7.5	7.5	7.5		8.0		7.8	Đạt	
29	2193360181	Trịnh Ngọc	Ngân	24/04/2003	02MK12C1	7.5	7.5	7.5		7.3		7.4	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0						
30	2193360095	Thân Hoàng Đình	Nguyên	05/10/2004	02TW12C1	5.5	5.5	5.5				2.2	Thi lại	
31	2193360236	Nguyễn Hồng	Nguyên	23/09/1996	02MK12C1	6.5	6.5	6.5		5.3		5.8	Đạt	
32	2193360117	Nguyễn Thanh	Nhàn	19/04/2004	02TW12C1	8.0	8.0	8.0		8.3		8.2	Đạt	
33	2193360160	Trương Lê Hoàng	Nhi	24/05/2004	02MK12C1	6.5	6.5	6.5		9.5		8.3	Đạt	
34	2193360206	Dương Tuyết	Nhi	22/03/2004	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		9.8		8.7	Đạt	
35	2193360128	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	24/10/2004	02TW12C1	7.0	7.0	7.0		8.5		7.9	Đạt	
36	2193360262	Hồ Liễu Quang	Phúc	30/01/2000	02TW12C1	9.5	9.5	9.5		9.5		9.5	Đạt	
37	2193360025	Nguyễn Hoàng Diễm	Quyên	08/02/2004	02TW12C1	9.0	9.0	9.0				3.6	Thi lại	
38	2193360131	Nguyễn Đỗ Như	Quỳnh	02/04/2004	02TW12C1	9.0	9.0	9.0		8.8		8.9	Đạt	
39	2193360196	Hoàng Ngọc Nhật	Quỳnh	26/01/2002	02TM12C1	8.5	8.5	8.5		6.0		7.0	Đạt	
40	2193360187	Trần Văn	Thắng	03/11/2004	02KT12C1	5.0	5.0	5.0		7.5		6.5	Đạt	
41	2193360259	Bùi Nguyễn Minh	Thảo	25/12/1994	02TM12C1	9.0	9.0	9.0		10.0		9.6	Đạt	
42	2193360098	Nguyễn Văn	Thiện	04/10/2004	02TM12C1	6.0	6.0	6.0		8.0		7.2	Đạt	
43	2193360122	La Nguyễn Anh	Thư	05/04/2004	02MK12C1	10.0	10.0	10.0		9.8		9.9	Đạt	
44	2193360003	Trịnh Lê Kim	Thủy	10/02/1993	02TW12C1	9.0	9.0	9.0		8.8		8.9	Đạt	
45	2193360258	Phan Trần	Tiếng	13/06/1999	02TW12C1	10.0	10.0	10.0		9.3		9.6	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1	
46	2193360067	Dương Thị Thùy	Trang	01/08/2004	02KT12C1	8.5	8.5	8.5		9.5		9.1	Đạt	
47	2193360009	Vương Thùy Tú	Trinh	04/10/2003	02MK12C1	8.0	8.0	8.0		9.3		8.8	Đạt	
48	2193360151	Nguyễn Hà Phương	Trinh	03/02/2004	02MK12C1	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt	
49	1193360105	Nguyễn Huỳnh Thế	Vinh	18/12/2002	02TW12C1	5.5	5.5	5.5		8.8		7.5	Đạt	
50	2193360249	Trương Thị Ngọc	Vy	23/09/2004	02KT12C1	7.0	7.0	7.0		9.8		8.7	Đạt	
51	2193360058	Nguyễn Tiến	Quốc	22/12/2004	02TM12C1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt	
52	2193240172	Nguyễn Đức	Hưng	21/07/2001	02TW12A1	5.5	5.5	5.5		9.3		7.8	Đạt	
53	2193360154	Hoàng Ngọc	Bảo	20/02/2002	02DL12C1	5.0	5.0	5.0				2.0	Thi lại	
54	2193360230	Trịnh Minh	Hằng	19/09/2003	02DL12C1	6.0	6.0	6.0		7.0		6.6	Đạt	
55	2193360035	Trịnh Quang	Huy	02/09/1998	02DL12C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt	
56	2193360069	Tăng Vĩ	Huy	26/11/2004	02DL12C1	9.0	9.0	9.0		9.8		9.5	Đạt	
57	2193360034	Trần Trung	Kiên	26/01/2002	02DL12C1	4.5	4.5	4.5		9.0		7.2	Đạt	
58	2193360111	Trần Đức	Lợi	18/11/2002	02DL12C1	4.5	4.5	4.5				1.8	Thi lại	
59	2193360086	Nguyễn Trần Hoàng	Long	20/08/2004	02DL12C1	5.0	5.0	5.0		2.5		3.5	Thi lại	
60	2193360066	Nguyễn Thùy Bảo	Ngân	04/12/2003	02DL12C1	7.0	7.0	7.0		7.5		7.3	Đạt	
61	2193360191	Khổng Phương	Nhi	10/03/2004	02DL12C1	5.0	5.0	5.0				2.0	Thi lại	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
62	2193360077	Lê Trần Huỳnh	Như	24/02/2004	02DL12C1	5.0	5.0	5.0				2.0	Thi lại	
63	2193360124	Hồ Hương	Thùy	17/12/2004	02DL12C1	5.0	5.0	5.0				2.0	Thi lại	
64	2193360244	San Vinh	Tiến	07/03/2003	02DL12C1	5.5	5.5	5.5		9.5		7.9	Đạt	
65	2193360264	Ngô Mạnh	Tiến	06/09/2003	02DL12C1	7.0	7.0	7.0		4.8		5.7	Đạt	
66	2193360227	Đoàn Minh	Trung	30/11/2004	02DL12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
67	2193360084	Dương Minh	Tú	19/11/2002	02DL12C1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt	
68	2193360132	Nguyễn Dương Hoàng	Vũ	26/09/2004	02DL12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
69	2193360031	Phan Đoàn Minh	Yến	26/04/2004	02DL12C1	5.0	5.0	5.0		9.0		7.4	Đạt	
70	2193360231	Trần Ngọc Hải	Yến	27/12/2003	02DL12C1	5.0	5.0	5.0				2.0	Thi lại	
71	2193360255	Đặng Thị Kiều	Oanh	12/12/1992	02DL12C1	5.0	5.0	5.0		9.0		7.4	Đạt	
72	2193360017	Ngô Thị Như	Ý	25/04/2001	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		2.3		4.2	Thi lại	
73	2193360121	Nguyễn Thị	Thùy	18/04/2000	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt	
74	2193360171	Đoàn Duy	Văn	03/11/2001	02TW12C1	8.0	8.0	8.0		9.5		8.9	Đạt	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: TOÁN 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2			
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1	
1	2193360040	Phạm Nguyễn Gia Bảo	07/03/2004	02KT12C1	9.5	9.5	9.5		9.3		9.4	Đạt	
2	2193360142	Phạm Gia Bảo	07/03/2004	02TM12C1	9.0	9.0	9.0				3.6	Thi lại	
3	2193360107	Nguyễn Trịnh Quốc Bình	24/11/2004	02TM12C1	9.0	9.0	9.0		7.8		8.3	Đạt	
4	1193360096	Nguyễn Minh Cao	20/05/1995	02TM12C1	8.5	8.5	8.5		9.0		8.8	Đạt	
5	2193360193	Trần Tào Công	28/12/1990	02TM12C1	6.0	6.0	6.0		9.5		8.1	Đạt	
6	2193360075	Dương Thị Ngọc Hà	28/03/2004	02KT12C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
7	2193360050	Trần Ngọc Hân	26/08/2004	02KT12C1	9.5	9.5	9.5		9.5		9.5	Đạt	
8	2193360135	Nguyễn Ngọc Hân	20/07/2004	02KT12C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
9	2193360219	Thái Gia Hân	19/12/2004	02KT12C1	9.0	9.0	9.0		9.5		9.3	Đạt	
10	2193360139	Nguyễn Thị Thanh Hằng	27/03/2004	02MK12C1	8.0	8.0	8.0		9.5		8.9	Đạt	
11	2193360173	Trương Đỗ Hoàng Hào	09/11/2004	02MK12C1	9.0	9.0	9.0		9.5		9.3	Đạt	
12	2193360175	Lê Quang Hiên	19/04/2004	02MK12C1	6.5	6.5	6.5		7.3		7.0	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
13	2193360158	Hoàng Tuấn	Hưng	20/04/2001	02TW12C1	2.0	2.0	2.0	TBKT			0.8	Học lại	
14	2193360293	Nguyễn Ngọc Cẩm	Hương	05/03/2001	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		8.5		7.9	Đạt	
15	2193360072	Liêu Thị	Hường	30/04/1990	02MK12C1	6.5	6.5	6.5		8.3		7.6	Đạt	
16	2193360063	Nguyễn Minh	Khang	12/06/2003	02TW12C1	7.5	7.5	7.5		7.8		7.7	Đạt	
17	2193360038	Nguyễn Trường Minh	Khoa	19/10/2004	02TW12C1	8.5	8.5	8.5				3.4	Thi lại	
18	2193360092	Nguyễn Nam	Khoa	04/09/2003	02TM12C1	8.5	8.5	8.5		8.0		8.2	Đạt	
19	2193360043	Nguyễn Đăng	Khôi	15/10/2003	02TW12C1	3.5	3.5	3.5	TBKT			1.4	Học lại	
20	2193360178	Nguyễn Hải	Lam	17/06/2004	02MK12C1	8.5	8.5	8.5				3.4	Thi lại	
21	2193360091	Mai Tùng	Lâm	29/04/2004	02TM12C1	7.5	7.5	7.5		7.8		7.7	Đạt	
22	2193360006	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	05/07/2000	02KT12C1	8.5	8.5	8.5		9.5		9.1	Đạt	
23	2193360019	Nguyễn Chí	Linh	16/04/1999	02TW12C1	7.5	7.5	7.5		8.0		7.8	Đạt	
24	2193360041	Vũ Hoàng Thùy	Linh	18/02/2004	02MK12C1	9.0	9.0	9.0		9.5		9.3	Đạt	
25	2193360054	Nguyễn Hoàng Tấn	Lộc	05/08/2004	02TM12C1	8.0	8.0	8.0		8.8		8.5	Đạt	
26	2193360044	Vũ Hoàng	Long	06/05/1988	02MK12C1	4.5	4.5	4.5		3.0		3.6	Thi lại	
27	2193360134	Hồ Ngọc Khánh	Ly	14/12/2004	02MK12C1	7.5	7.5	7.5		9.5		8.7	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
28	2193360261	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	20/12/1996	02MK12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
29	2193360291	Vũ Đức Hoàng Nam	15/02/1999	02TW12C1	9.0	9.0	9.0		8.8		8.9	Đạt	
30	2193360070	Nguyễn Thị Kim Ngân	22/05/2003	02MK12C1	7.5	7.5	7.5		6.5		6.9	Đạt	
31	2193360181	Trịnh Ngọc Ngân	24/04/2003	02MK12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
32	2193360095	Thân Hoàng Đình Nguyên	05/10/2004	02TW12C1	9.0	9.0	9.0				3.6	Thi lại	
33	2193360106	Đình Thảo Nguyên	12/06/2004	02KT12C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
34	2193360236	Nguyễn Hồng Nguyên	23/09/1996	02MK12C1	5.5	5.5	5.5		6.8		6.3	Đạt	
35	2193360117	Nguyễn Thanh Nhân	19/04/2004	02TW12C1	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt	
36	2193360160	Trương Lê Hoàng Nhi	24/05/2004	02MK12C1	7.5	7.5	7.5		9.5		8.7	Đạt	
37	2193360206	Dương Tuyết Nhi	22/03/2004	02MK12C1	7.5	7.5	7.5		9.0		8.4	Đạt	
38	2193360128	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	24/10/2004	02TW12C1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt	
39	2193360262	Hồ Liễu Quang Phúc	30/01/2000	02TW12C1	9.0	9.0	9.0		8.8		8.9	Đạt	
40	2193360025	Nguyễn Hoàng Diễm Quyên	08/02/2004	02TW12C1	6.5	6.5	6.5		7.0		6.8	Đạt	
41	2193360131	Nguyễn Đỗ Như Quỳnh	02/04/2004	02TW12C1	7.0	7.0	7.0		8.5		7.9	Đạt	
42	2193360196	Hoàng Ngọc Nhật Quỳnh	26/01/2002	02TM12C1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
43	2193360140	Văn Công Tài	25/06/2003	02TM12C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
44	2193360187	Trần Văn Thắng	03/11/2004	02KT12C1	7.0	7.0	7.0		9.8		8.7	Đạt	
45	2193360259	Bùi Nguyễn Minh Thảo	25/12/1994	02TM12C1	9.5	9.5	9.5		9.5		9.5	Đạt	
46	2193360098	Nguyễn Văn Thiện	04/10/2004	02TM12C1	4.5	4.5	4.5				1.8	Thi lại	
47	2193360122	La Nguyễn Anh Thư	05/04/2004	02MK12C1	10.0	10.0	10.0		9.8		9.9	Đạt	
48	2193360003	Trịnh Lê Kim Thủy	10/02/1993	02TW12C1	10.0	10.0	10.0		8.8		9.3	Đạt	
49	2193360165	Trương Thị Thủy Tiên	24/11/2001	02KT12C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
50	2193360258	Phan Trần Tiếng	13/06/1999	02TW12C1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt	
51	2193360067	Dương Thị Thùy Trang	01/08/2004	02KT12C1	8.0	8.0	8.0		9.3		8.8	Đạt	
52	2193360009	Vương Thùy Tú Trinh	04/10/2003	02MK12C1	7.5	7.5	7.5		9.3		8.6	Đạt	
53	2193360151	Nguyễn Hà Phương Trinh	03/02/2004	02MK12C1	9.0	9.0	9.0				3.6	Thi lại	
54	2193360089	Tô Thanh Tùng	02/01/2004	02TM12C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
55	1193360105	Nguyễn Huỳnh Thế Vinh	18/12/2002	02TW12C1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt	
56	2193360249	Trương Thị Ngọc Vy	23/09/2004	02KT12C1	8.5	8.5	8.5		9.8		9.3	Đạt	
57	2193360039	Nguyễn Đức Triều Vỹ	24/02/2003	02TM12C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
58	2193360058	Nguyễn Tiến Quốc	22/12/2004	02TM12C1	8.5	8.5	8.5		8.5		8.5	Đạt	
59	2193240172	Nguyễn Đức Hưng	21/07/2001	02TW12A1	7.5	7.5	7.5		6.8		7.1	Đạt	
60	2193360121	Nguyễn Thị Thùy	18/04/2000	02MK12C1	8.0	8.0	8.00				3.2	Thi lại	
61	2193360171	Đoàn Duy Ván	03/11/2001	02TW12C1	9.0	9.0	9.00		9.8		9.5	Đạt	
62	2193360017	Ngô Thị Như Ý	25/04/2001	02MK12C1	7.5	7.5	7.50		9.0		8.4	Đạt	
63	2193360230	Trịnh Minh Hằng	19/09/2003	02DL12C1	8.8	8.8	8.80				3.5	Thi lại	
64	2193360035	Trịnh Quang Huy	02/09/1998	02DL12C1	5.0	5.0	5.0				2.0	Thi lại	
65	2193360069	Tăng Vĩ Huy	26/11/2004	02DL12C1	9.0	9.0	9.0		6.5		7.5	Đạt	
66	2193360086	Nguyễn Trần Hoàng Long	20/08/2004	02DL12C1	10.0	10.0	10.0				4.0	Thi lại	
67	2193360066	Nguyễn Thùy Bảo Ngân	04/12/2003	02DL12C1	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt	
68	2193360191	Khổng Phương Nhi	10/03/2004	02DL12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
69	2193360077	Lê Trần Huỳnh Như	24/02/2004	02DL12C1	5.5	5.5	5.5		9.3		7.8	Đạt	
70	2193360244	San Vinh Tiến	07/03/2003	02DL12C1	9.5	9.5	9.5		9.0		9.2	Đạt	
71	2193360264	Ngô Mạnh Tiến	06/09/2003	02DL12C1	7.5	7.5	7.5		5.0		6.0	Đạt	
72	2193360227	Đoàn Minh Trung	30/11/2004	02DL12C1	9.5	9.5	9.5		10.0		9.8	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
73	2193360084	Dương Minh Tú	19/11/2002	02DL12C1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt	
74	2193360132	Nguyễn Dương Hoàng Vũ	26/09/2004	02DL12C1	9.5	9.5	9.5		8.8		9.1	Đạt	
75	2193360031	Phan Đoàn Minh Yển	26/04/2004	02DL12C1	7.5	7.5	7.5		6.3		6.8	Đạt	
76	2193360255	Đặng Thị Kiều Oanh	12/12/1992	02DL12C1	9.5	9.5	9.5		10.0		9.8	Đạt	
77	2193240175	Phạm Thị Thanh Thảo	02/05/2001	02DL12A1	9.0	9.0	9.0		9.3		9.2	Đạt	
78	2193360285	Nguyễn Kim Anh	03/02/2000	02DL12C1	10.0	10.0	10.0		8.5		9.1	Đạt	
79	2193360156	Phạm Ngọc Bảo Hân	13/04/2004	02DL12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
80	1833620330	Nguyễn Hường Thanh Huy	11/04/2001	02KT11C1	9.0	9.0	9.0				3.6	Thi lại	khóa 11
81	1833620316	Đình Quang Nam	21/01/2000	02MK11C1	7.0	7.0	7.0		7.3		7.2	Đạt	khóa 11
82	2193360154	Hoàng Ngọc Bảo	20/02/2002	02DL12C1				TBKT				Học lại	
83	2193360034	Trần Trung Kiên	26/01/2002	02DL12C1				TBKT				Học lại	
84	2193360111	Trần Đức Lợi	18/11/2002	02DL12C1				TBKT				Học lại	
85	2193360124	Hồ Hương Thùy	17/12/2004	02DL12C1				TBKT				Học lại	
86	2193360231	Trần Ngọc Hải Yển	27/12/2003	02DL12C1				TBKT				Học lại	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: TOÁN 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
1	2193360142	Phạm Gia Bảo	07/03/2004	02TM12C1	4.5	4.5	4.5				1.8	Thi lại	
2	2193360107	Nguyễn Trịnh Quốc Bình	24/11/2004	02TM12C1	4.5	4.5	4.5		6.5		5.7	Đạt	
3	1193360096	Nguyễn Minh Cao	20/05/1995	02TM12C1	7.5	7.5	7.5		7.3		7.4	Đạt	
4	2193360193	Trần Tào Công	28/12/1990	02TM12C1	10.0	10.0	10.0		5.8		7.5	Đạt	
5	2193360050	Trần Ngọc Hân	26/08/2004	02KT12C1	10.0	10.0	10.0		8.0		8.8	Đạt	
6	2193360219	Thái Gia Hân	19/12/2004	02KT12C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt	
7	2193360139	Nguyễn Thị Thanh Hằng	27/03/2004	02MK12C1	8.0	8.0	8.0		6.8		7.3	Đạt	
8	2193360173	Trương Đỗ Hoàng Hào	09/11/2004	02MK12C1	10.0	10.0	10.0		5.8		7.5	Đạt	
9	2193360175	Lê Quang Hiên	19/04/2004	02MK12C1	6.5	6.5	6.5		5.0		5.6	Đạt	
10	2193360158	Hoàng Tuấn Hưng	20/04/2001	02TW12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
11	2193360293	Nguyễn Ngọc Cẩm Hương	05/03/2001	02MK12C1	10.0	10.0	10.0		6.3		7.8	Đạt	
12	2193360072	Liêu Thị Hường	30/04/1990	02MK12C1	6.5	6.5	6.5		5.8		6.1	Đạt	
13	2193360063	Nguyễn Minh Khang	12/06/2003	02TW12C1	6.0	6.0	6.0		5.5		5.7	Đạt	
14	2193360038	Nguyễn Trường Minh Khoa	19/10/2004	02TW12C1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt	
15	2193360092	Nguyễn Nam Khoa	04/09/2003	02TM12C1	6.0	6.0	6.0		7.0		6.6	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
16	2193360043	Nguyễn Đăng Khôi	15/10/2003	02TW12C1	5.0	5.0	5.0		6.3		5.8	Đạt	
17	2193360178	Nguyễn Hải Lam	17/06/2004	02MK12C1	8.5	8.5	8.5				3.4	Thi lại	
18	2193360091	Mai Tùng Lâm	29/04/2004	02TM12C1	8.0	8.0	8.0		6.3		7.0	Đạt	
19	2193360006	Nguyễn Thị Ngọc Lan	05/07/2000	02KT12C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt	
20	2193360019	Nguyễn Chí Linh	16/04/1999	02TW12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
21	2193360041	Vũ Hoàng Thùy Linh	18/02/2004	02MK12C1	10.0	10.0	10.0		7.0		8.2	Đạt	
22	2193360054	Nguyễn Hoàng Tấn Lộc	05/08/2004	02TM12C1	8.5	8.5	8.5		6.3		7.2	Đạt	
23	2193360044	Vũ Hoàng Long	06/05/1988	02MK12C1	6.5	6.5	6.5		4.8		5.5	Đạt	
24	2193360134	Hồ Ngọc Khánh Ly	14/12/2004	02MK12C1	8.0	8.0	8.0		6.3		7.0	Đạt	
25	2193360261	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	20/12/1996	02MK12C1	8.5	8.5	8.5		7.0		7.6	Đạt	
26	2193360291	Vũ Đức Hoàng Nam	15/02/1999	02TW12C1	9.0	9.0	9.0		7.0		7.8	Đạt	
27	2193360070	Nguyễn Thị Kim Ngân	22/05/2003	02MK12C1	8.0	8.0	8.0		6.8		7.3	Đạt	
28	2193360181	Trịnh Ngọc Ngân	24/04/2003	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt	
29	2193360095	Thân Hoàng Đình Nguyên	05/10/2004	02TW12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
30	2193360236	Nguyễn Hồng Nguyên	23/09/1996	02MK12C1	4.5	4.5	4.5				1.8	Thi lại	
31	2193360117	Nguyễn Thanh Nhân	19/04/2004	02TW12C1	10.0	10.0	10.0		5.8		7.5	Đạt	
32	2193360160	Trương Lê Hoàng Nhi	24/05/2004	02MK12C1	8.5	8.5	8.5		5.8		6.9	Đạt	
33	2193360206	Dương Tuyết Nhi	22/03/2004	02MK12C1	10.0	10.0	10.0		7.3		8.4	Đạt	
34	2193360128	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	24/10/2004	02TW12C1	9.5	9.5	9.5		7.5		8.3	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
35	2193360262	Hồ Liễu Quang	Phúc	30/01/2000	02TW12C1	7.5	7.5	7.5		5.8		6.5	Đạt	
36	2193360025	Nguyễn Hoàng Diễm	Quyên	08/02/2004	02TW12C1	5.5	5.5	5.5		4.5		4.9	Thi lại	
37	2193360131	Nguyễn Đỗ Như	Quỳnh	02/04/2004	02TW12C1	7.5	7.5	7.5		5.5		6.3	Đạt	
38	2193360196	Hoàng Ngọc Nhật	Quỳnh	26/01/2002	02TM12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
39	2193360187	Trần Văn	Thắng	03/11/2004	02KT12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
40	2193360259	Bùi Nguyễn Minh	Thảo	25/12/1994	02TM12C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt	
41	2193360098	Nguyễn Văn	Thiện	04/10/2004	02TM12C1	4.5	4.5	4.5				1.8	Thi lại	
42	2193360122	La Nguyễn Anh	Thư	05/04/2004	02MK12C1	10.0	10.0	10.0		7.5		8.5	Đạt	
43	2193360003	Trịnh Lê Kim	Thủy	10/02/1993	02TW12C1	8.5	8.5	8.5		6.8		7.5	Đạt	
44	2193360258	Phan Trần	Tiếng	13/06/1999	02TW12C1	9.0	9.0	9.0		6.3		7.4	Đạt	
45	2193360067	Dương Thị Thùy	Trang	01/08/2004	02KT12C1	6.5	6.5	6.5		7.8		7.3	Đạt	
46	2193360009	Vương Thùy Tú	Trinh	04/10/2003	02MK12C1	10.0	10.0	10.0		7.3		8.4	Đạt	
47	2193360151	Nguyễn Hà Phương	Trinh	03/02/2004	02MK12C1	7.5	7.5	7.5		6.0		6.6	Đạt	
48	1193360105	Nguyễn Huỳnh Thế	Vinh	18/12/2002	02DL12C1	10.0	10.0	10.0		5.5		7.3	Đạt	
49	2193360249	Trương Thị Ngọc	Vy	23/09/2004	02KT12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
50	2193360058	Nguyễn Tiến	Quốc	22/12/2004	02TM12C1	8.5	8.5	8.5				3.4	Thi lại	
51	2193360121	Nguyễn Thị	Thùy	18/04/2000	02MK12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
52	2193360171	Đoàn Duy	Vân	03/11/2001	02TW12C1	10.0	10.0	10.00		8.0		8.8	Đạt	
53	2193360017	Ngô Thị Như	Ý	25/04/2001	02MK12C1	9.0	9.0	9.00		6.3		7.4	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
54	2193360250	Nguyễn Thị	Thúy	01/01/1987	02KT12A1	6.0	6.0	6.00		8.8		7.7	Đạt	
55	1833620099	Vũ Thị Ngọc	Giang	15/08/2003	02DL12C1	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt	
56	2193360285	Nguyễn Kim	Anh	03/02/2000	02DL12C1	5.5	5.5	5.5		7.8		6.9	Đạt	
57	2193360230	Trịnh Minh	Hằng	19/09/2003	02DL12C1	7.5	7.5	7.5				3.0	Thi lại	
58	2193360035	Trịnh Quang	Huy	02/09/1998	02DL12C1	9.5	9.5	9.5		6.0		7.4	Đạt	
59	2193360069	Tăng Vĩ	Huy	26/11/2004	02DL12C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt	
60	2193360066	Nguyễn Thùy Bảo	Ngân	04/12/2003	02DL12C1	8.0	8.0	8.0		6.3		7.0	Đạt	
61	2193360191	Khổng Phương	Nhi	10/03/2004	02DL12C1	6.5	6.5	6.5				2.6	Thi lại	
62	2193360077	Lê Trần Huỳnh	Như	24/02/2004	02DL12C1	5.5	5.5	5.5				2.2	Thi lại	
63	2193360244	San Vinh	Tiến	07/03/2003	02DL12C1	9.0	9.0	9.0		7.3		8.0	Đạt	
64	2193360264	Ngô Mạnh	Tiến	06/09/2003	02DL12C1	4.5	4.5	4.5		5.5		5.1	Đạt	
65	2193360227	Đoàn Minh	Trung	30/11/2004	02DL12C1	5.0	5.0	5.0		5.5		5.3	Đạt	
66	2193360084	Dương Minh	Tú	19/11/2002	02DL12C1	7.5	7.5	7.5		5.3		6.2	Đạt	
67	2193360132	Nguyễn Dương Hoàng	Vũ	26/09/2004	02DL12C1	9.5	9.5	9.5		6.0		7.4	Đạt	
68	2193360031	Phan Đoàn Minh	Yến	26/04/2004	02DL12C1	4.5	4.5	4.5		3.5		3.9	Thi lại	
69	2193360255	Đặng Thị Kiều	Oanh	12/12/1992	02DL12C1	7.5	7.5	7.5		6.8		7.1	Đạt	
70	1833620063	Lê Thị Thúy	Nga	13/02/2003	02MK11C1	9.5	9.5	9.5		6.5		7.7	Đạt	khóa 11
71	1833620330	Nguyễn Hướng Thanh	Huy	11/04/2001	02KT11C1	10.0	10.0	10.0		7.3		8.4	Đạt	khóa 11

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
Môn: VĂN 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2			
								4.0				6.0	6.0	
1	2193360040	Phạm Nguyễn Gia	Bảo	07/03/2004	02KT12C1	7.0	6.0	6.3		6.8		6.6	Đạt	
2	2193360142	Phạm Gia	Bảo	07/03/2004	02TM12C1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt	
3	2193360107	Nguyễn Trịnh Quốc	Bình	24/11/2004	02TM12C1	6.0	7.0	6.7		6.3		6.4	Đạt	
4	1193360096	Nguyễn Minh	Cao	20/05/1995	02TM12C1	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt	
5	2193360050	Trần Ngọc	Hân	26/08/2004	02KT12C1	7.0	8.0	7.7		6.0		6.7	Đạt	
6	2193360219	Thái Gia	Hân	19/12/2004	02KT12C1	6.0	7.0	6.7		6.8		6.7	Đạt	
7	2193360139	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	27/03/2004	02MK12C1	8.0	8.0	8.0		6.5		7.1	Đạt	
8	2193360173	Trương Đỗ Hoàng	Hảo	09/11/2004	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7	Đạt	
9	2193360175	Lê Quang	Hiển	19/04/2004	02MK12C1	6.0	7.0	6.7		5.8		6.1	Đạt	
10	2193360158	Hoàng Tuấn	Hung	20/04/2001	02TW12C1	6.0	7.0	6.7		6.3		6.4	Đạt	
11	2193360293	Nguyễn Ngọc Cẩm	Hương	05/03/2001	02MK12C1	7.0	6.0	6.3		6.5		6.4	Đạt	
12	2193360072	Liêu Thị	Hường	30/04/1990	02MK12C1	8.0	8.0	8.0		5.3		6.4	Đạt	
13	2193360063	Nguyễn Minh	Khang	12/06/2003	02TW12C1	8.0	7.0	7.3		6.8		7.0	Đạt	
14	2193360038	Nguyễn Trường Minh	Khoa	19/10/2004	02TW12C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt	
15	2193360092	Nguyễn Nam	Khoa	04/09/2003	02TM12C1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
16	2193360043	Nguyễn Đăng	Khôi	15/10/2003	02TW12C1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt	
17	2193360178	Nguyễn Hải	Lam	17/06/2004	02MK12C1	6.0	8.0	7.3		4.3		5.5	Đạt	
18	2193360091	Mai Tùng	Lâm	29/04/2004	02TM12C1	6.0	7.0	6.7		7.0		6.9	Đạt	
19	2193360006	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	05/07/2000	02KT12C1	7.0	7.0	7.0		6.3		6.6	Đạt	
20	2193360019	Nguyễn Chí	Linh	16/04/1999	02TW12C1	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt	
21	2193360041	Vũ Hoàng Thùy	Linh	18/02/2004	02MK12C1	7.0	6.0	6.3		6.3		6.3	Đạt	
22	2193360054	Nguyễn Hoàng Tấn	Lộc	05/08/2004	02TM12C1	6.0	6.0	6.0		5.3		5.6	Đạt	
23	2193360044	Vũ Hoàng	Long	06/05/1988	02MK12C1	8.0	8.0	8.0		6.5		7.1	Đạt	
24	2193360134	Hồ Ngọc Khánh	Ly	14/12/2004	02MK12C1	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt	
25	2193360261	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	20/12/1996	02MK12C1	6.0	6.0	6.0		4.8		5.3	Đạt	
26	2193360291	Vũ Đức Hoàng	Nam	15/02/1999	02TW12C1	7.0	7.0	7.0		5.3		6.0	Đạt	
27	2193360070	Nguyễn Thị Kim	Ngân	22/05/2003	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		3.5		4.9	Thi lại	
28	2193360181	Trịnh Ngọc	Ngân	24/04/2003	02MK12C1	8.0	6.0	6.7		3.3		4.6	Thi lại	
29	2193360095	Thân Hoàng Đình	Nguyên	05/10/2004	02TW12C1	7.0	7.0	7.0		5.5		6.1	Đạt	
30	2193360236	Nguyễn Hồng	Nguyên	23/09/1996	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		5.3		6.0	Đạt	
31	2193360117	Nguyễn Thanh	Nhàn	19/04/2004	02TW12C1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt	
32	2193360160	Trương Lê Hoàng	Nhi	24/05/2004	02MK12C1	8.0	8.0	8.0		5.3		6.4	Đạt	
33	2193360206	Dương Tuyết	Nhi	22/03/2004	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
34	2193360128	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	24/10/2004	02TW12C1	7.0	6.0	6.3		4.8		5.4	Đạt	
35	2193360262	Hồ Liễu Quang	Phúc	30/01/2000	02TW12C1	7.0	8.0	7.7		5.3		6.2	Đạt	
36	2193360025	Nguyễn Hoàng Diễm	Quyên	08/02/2004	02TW12C1	6.0	7.0	6.7		5.3		5.8	Đạt	
37	2193360131	Nguyễn Đỗ Như	Quỳnh	02/04/2004	02TW12C1	6.0	7.0	6.7		5.8		6.1	Đạt	
38	2193360196	Hoàng Ngọc Nhật	Quỳnh	26/01/2002	02TM12C1	7.0	6.0	6.3		4.5		5.2	Đạt	
39	2193360187	Trần Văn	Thắng	03/11/2004	02KT12C1	6.0	6.0	6.0		5.3		5.6	Đạt	
40	2193360098	Nguyễn Văn	Thiện	04/10/2004	02TM12C1	7.0	7.0	7.0		4.5		5.5	Đạt	
41	2193360122	La Nguyễn Anh	Thư	05/04/2004	02MK12C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt	
42	2193360121	Nguyễn Thị	Thùy	18/04/2000	02MK12C1	7.0	8.0	7.7		5.0		6.1	Đạt	HỌC VỚI LỚP ĐÊM
43	2193360003	Trịnh Lê Kim	Thùy	10/02/1993	02TW12C1	6.0	7.0	6.7		5.8		6.1	Đạt	
44	2193360258	Phan Trần	Tiếng	13/06/1999	02TW12C1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt	
45	2193360067	Dương Thị Thùy	Trang	01/08/2004	02KT12C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt	
46	2193360009	Vương Thùy Tú	Trình	04/10/2003	02MK12C1	8.0	7.0	7.3		5.3		6.1	Đạt	
47	2193360151	Nguyễn Hà Phương	Trình	03/02/2004	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		2.8		4.5	Thi lại	
48	2193360171	Đoàn Duy	Vấn	03/11/2001	02TW12C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt	HỌC VỚI LỚP ĐÊM
49	1193360105	Nguyễn Huỳnh Thế	Vinh	18/12/2002	02TW12C1	8.0	7.0	7.3		5.8		6.4	Đạt	
50	2193360249	Trương Thị Ngọc	Vy	23/09/2004	02KT12C1	7.0	6.0	6.3		5.8		6.0	Đạt	
51	2193360058	Nguyễn Tiến	Quốc	22/12/2004	02TM12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
52	2193360154	Hoàng Ngọc	Bảo	20/02/2002	02DL12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
53	2193360232	Trần Ngọc Mỹ	Duyên	26/03/2004	02DL12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
54	1833620099	Vũ Thị Ngọc	Giang	15/08/2003	02DL12C1	6.0	7.0	6.7		5.8		6.1	Đạt	
55	2193360156	Phạm Ngọc Bảo	Hân	13/04/2004	02DL12C1	7.0	7.0	7.0		3.5		4.9	Thi lại	
56	2193360230	Trịnh Minh	Hằng	19/09/2003	02DL12C1	6.0	6.0	6.0		5.8		5.9	Đạt	
57	2193360035	Trịnh Quang	Huy	02/09/1998	02DL12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
58	2193360069	Tăng Vĩ	Huy	26/11/2004	02DL12C1	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7	Đạt	
59	2193360034	Trần Trung	Kiên	26/01/2002	02DL12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
60	2193360111	Trần Đức	Lợi	18/11/2002	02DL12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
61	2193360086	Nguyễn Trần Hoàng	Long	20/08/2004	02DL12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
62	2193360066	Nguyễn Thùy Bảo	Ngân	04/12/2003	02DL12C1	7.0	6.0	6.3		3.8		4.8	Thi lại	
63	2193360191	Khổng Phương	Nhi	10/03/2004	02DL12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
64	2193360077	Lê Trần Huỳnh	Như	24/02/2004	02DL12C1	6.0	7.0	6.7				2.7	Thi lại	
65	2193360124	Hồ Hương	Thùy	17/12/2004	02DL12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
66	2193360244	San Vinh	Tiến	07/03/2003	02DL12C1	7.0	7.0	7.0		5.5		6.1	Đạt	
67	2193360264	Ngô Mạnh	Tiến	06/09/2003	02DL12C1	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại	
68	2193360227	Đoàn Minh	Trung	30/11/2004	02DL12C1	5.0	7.0	6.3		6.0		6.1	Đạt	
69	2193360084	Dương Minh	Tú	19/11/2002	02DL12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
70	2193360132	Nguyễn Dương Hoàng Vũ	26/09/2004	02DL12C1	6.0	7.0	6.7		5.5		6.0	Đạt	
71	2193360031	Phan Đoàn Minh Yến	26/04/2004	02DL12C1	7.0	7.0	7.0		3.8		5.1	Đạt	
72	2193360231	Trần Ngọc Hải Yến	27/12/2003	02DL12C1	6.0	7.0	6.7				2.7	Thi lại	
73	2193360255	Đặng Thị Kiều Oanh	12/12/1992	02DL12C1	7.0	6.0	6.3		5.8		6.0	Đạt	
74	2193360259	Bùi Nguyễn Minh Thảo	25/12/1994	02TM12C1	5.0	6.0	7.3		7.0		7.1	Đạt	HỌC VỚI LỚP ĐÊM
75	2193360017	Ngô Thị Như Ý	25/04/2001	02MK12C1	7.0	6.0	8.3		7.0		7.5	Đạt	HỌC VỚI LỚP ĐÊM

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
Môn: VĂN 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
								4.0		6.0	6.0				
1	2193360040	Phạm Nguyễn Gia	Bảo	07/03/2004	02KT12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại		
2	2193360142	Phạm Gia	Bảo	07/03/2004	02TM12C1	6.0	7.0	6.7			5.3		5.8	Đạt	
3	2193360107	Nguyễn Trịnh Quốc	Bình	24/11/2004	02TM12C1	8.0	7.0	7.3			6.0		6.5	Đạt	
4	1193360096	Nguyễn Minh	Cao	20/05/1995	02TM12C1	7.0	8.0	7.7			5.0		6.1	Đạt	
5	2193360193	Trần Tào	Công	28/12/1990	02TM12C1	6.0	6.0	6.0			5.5		5.7	Đạt	
6	2193360050	Trần Ngọc	Hân	26/08/2004	02KT12C1	6.0	6.0	6.0			5.0		5.4	Đạt	
7	2193360219	Thái Gia	Hân	19/12/2004	02KT12C1	7.0	7.0	7.0			5.8		6.3	Đạt	
8	2193360139	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	27/03/2004	02MK12C1	6.0	7.0	6.7			5.5		6.0	Đạt	
9	2193360173	Trương Đỗ Hoàng	Hào	09/11/2004	02MK12C1	7.0	7.0	7.0			5.5		6.1	Đạt	
10	2193360175	Lê Quang	Hiền	19/04/2004	02MK12C1	7.0	6.0	6.3			4.5		5.2	Đạt	
11	2193360158	Hoàng Tuấn	Hưng	20/04/2001	02TW12C1	6.0	7.0	6.7					2.7	Thi lại	
12	2193360293	Nguyễn Ngọc Cẩm	Hương	05/03/2001	02MK12C1	6.0	6.0	6.0			5.5		5.7	Đạt	
13	2193360072	Liêu Thị	Hường	30/04/1990	02MK12C1	8.0	7.0	7.3			6.0		6.5	Đạt	
14	2193360063	Nguyễn Minh	Khang	12/06/2003	02TW12C1	7.0	8.0	7.7			5.5		6.4	Đạt	
15	2193360038	Nguyễn Trường Minh	Khoa	19/10/2004	02TW12C1	7.0	7.0	7.0			6.0		6.4	Đạt	
16	2193360092	Nguyễn Nam	Khoa	04/09/2003	02TM12C1	6.0	7.0	6.7			6.8		6.7	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
17	2193360043	Nguyễn Đăng	Khôi	15/10/2003	02TW12C1	6.0	6.0	6.0		5.0		5.4	Đạt	
18	2193360178	Nguyễn Hải	Lam	17/06/2004	02MK12C1	6.0	7.0	6.7				2.7	Thi lại	
19	2193360091	Mai Tùng	Lâm	29/04/2004	02TM12C1	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7	Đạt	
20	2193360006	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	05/07/2000	02KT12C1	7.0	6.0	6.3		6.0		6.1	Đạt	
21	2193360019	Nguyễn Chí	Linh	16/04/1999	02TW12C1	8.0	7.0	7.3		5.8		6.4	Đạt	
22	2193360041	Vũ Hoàng Thùy	Linh	18/02/2004	02MK12C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt	
23	2193360054	Nguyễn Hoàng Tấn	Lộc	05/08/2004	02TM12C1	6.0	6.0	6.0		5.3		5.6	Đạt	
24	2193360044	Vũ Hoàng	Long	06/05/1988	02MK12C1	8.0	7.0	7.3		6.5		6.8	Đạt	
25	2193360134	Hồ Ngọc Khánh	Ly	14/12/2004	02MK12C1	6.0	7.0	6.7		5.3		5.8	Đạt	
26	2193360261	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	20/12/1996	02MK12C1	6.0	6.0	6.0		4.0		4.8	Thi lại	
27	2193360291	Vũ Đức Hoàng	Nam	15/02/1999	02TW12C1	6.0	7.0	6.7		4.0		5.1	Đạt	
28	2193360070	Nguyễn Thị Kim	Ngân	22/05/2003	02MK12C1	7.0	6.0	6.3		4.5		5.2	Đạt	
29	2193360181	Trịnh Ngọc	Ngân	24/04/2003	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		4.5		5.5	Đạt	
30	2193360095	Thân Hoàng Đình	Nguyên	05/10/2004	02TW12C1	7.0	6.0	6.3		4.5		5.2	Đạt	
31	2193360236	Nguyễn Hồng	Nguyên	23/09/1996	02MK12C1	6.0	7.0	6.7				2.7	Thi lại	
32	2193360117	Nguyễn Thanh	Nhàn	19/04/2004	02TW12C1	6.0	6.0	6.0		5.3		5.6	Đạt	
33	2193360160	Trương Lê Hoàng	Nhi	24/05/2004	02MK12C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt	
34	2193360206	Dương Tuyết	Nhi	22/03/2004	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		5.5		6.1	Đạt	
35	2193360128	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	24/10/2004	02TW12C1	7.0	7.0	7.0		5.3		6.0	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
36	2193360262	Hồ Liễu Quang	Phúc	30/01/2000	02TW12C1	8.0	6.0	6.7		5.5		6.0	Đạt	
37	2193360025	Nguyễn Hoàng Diễm	Quyên	08/02/2004	02TW12C1	6.0	7.0	6.7		5.5		6.0	Đạt	
38	2193360131	Nguyễn Đỗ Như	Quỳnh	02/04/2004	02TW12C1	6.0	6.0	6.0		5.8		5.9	Đạt	
39	2193360196	Hoàng Ngọc Nhật	Quỳnh	26/01/2002	02TM12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
40	2193360140	Văn Công	Tài	25/06/2003	02TM12C1	5.0	6.0	5.7				2.3	Thi lại	
41	2193360187	Trần Văn	Thắng	03/11/2004	02KT12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
42	2193360098	Nguyễn Văn	Thiện	04/10/2004	02TM12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại	
43	2193360122	La Nguyễn Anh	Thư	05/04/2004	02MK12C1	6.0	8.0	7.3		6.5		6.8	Đạt	
44	2193360003	Trịnh Lê Kim	Thủy	10/02/1993	02TW12C1	7.0	7.0	7.0		5.3		6.0	Đạt	
45	2193360258	Phan Trần	Tiếng	13/06/1999	02TW12C1	8.0	7.0	7.3		5.5		6.2	Đạt	
46	2193360067	Dương Thị Thùy	Trang	01/08/2004	02KT12C1	6.0	7.0	6.7		4.5		5.4	Đạt	
47	2193360009	Vương Thùy Tú	Trinh	04/10/2003	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		5.5		6.1	Đạt	
48	2193360151	Nguyễn Hà Phương	Trinh	03/02/2004	02MK12C1	6.0	6.0	6.0		5.0		5.4	Đạt	
49	2193360089	Tô Thanh	Tùng	02/01/2004	02TM12C1	6.0	7.0	6.7				2.7	Thi lại	
50	1193360105	Nguyễn Huỳnh Thế	Vinh	18/12/2002	02TW12C1	8.0	7.0	7.3		5.3		6.1	Đạt	
51	2193360249	Trương Thị Ngọc	Vy	23/09/2004	02KT12C1	5.0	7.0	6.3		5.3		5.7	Đạt	
52	2193360058	Nguyễn Tiến	Quốc	22/12/2004	02TM12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
53	1833620316	Đình Quang	Nam	21/01/2000	02MK11C1	7.0	6.0	6.3		4.8		5.4	Đạt	
54	1833620163	Ngô Thị Mỹ	Duyên	17/12/2003	02KT11C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
55	2193360144	Nguyễn Văn Đăng	Khoa	13/03/2004	02DS12C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại	
56	2193360154	Hoàng Ngọc	Bảo	20/02/2002	02DL12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
57	2193360232	Trần Ngọc Mỹ	Duyên	26/03/2004	02DL12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
58	1833620099	Vũ Thị Ngọc	Giang	15/08/2003	02DL12C1	8.0	6.0	6.7		6.0		6.3	Đạt	
59	2193360156	Phạm Ngọc Bảo	Hân	13/04/2004	02DL12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại	
60	2193360230	Trịnh Minh	Hằng	19/09/2003	02DL12C1	7.0	7.0	7.0		5.5		6.1	Đạt	
61	2193360035	Trịnh Quang	Huy	02/09/1998	02DL12C1	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7	Đạt	
62	2193360069	Tăng Vĩ	Huy	26/11/2004	02DL12C1	7.0	8.0	7.7		6.8		7.1	Đạt	
63	2193360034	Trần Trung	Kiên	26/01/2002	02DL12C1	8.0	7.0	7.3		5.5		6.2	Đạt	
64	2193360111	Trần Đức	Lợi	18/11/2002	02DL12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
65	2193360086	Nguyễn Trần Hoàng	Long	20/08/2004	02DL12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
66	2193360066	Nguyễn Thùy Bảo	Ngân	04/12/2003	02DL12C1	6.0	7.0	6.7		2.8		4.3	Thi lại	
67	2193360191	Khổng Phương	Nhi	10/03/2004	02DL12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
68	2193360077	Lê Trần Huỳnh	Như	24/02/2004	02DL12C1	7.0	5.0	5.7				2.3	Thi lại	
69	2193360124	Hồ Hương	Thùy	17/12/2004	02DL12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại	
70	2193360244	San Vinh	Tiến	07/03/2003	02DL12C1	8.0	6.0	6.7		5.5		6.0	Đạt	
71	2193360264	Ngô Mạnh	Tiến	06/09/2003	02DL12C1	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt	
72	2193360227	Đoàn Minh	Trung	30/11/2004	02DL12C1	6.0	6.0	6.0		5.8		5.9	Đạt	
73	2193360084	Dương Minh	Tú	19/11/2002	02DL12C1	7.0	6.0	6.3		5.5		5.8	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
74	2193360132	Nguyễn Dương Hoàng Vũ	26/09/2004	02DL12C1	7.0	7.0	7.0		5.5		6.1	Đạt	
75	2193360031	Phan Đoàn Minh Yển	26/04/2004	02DL12C1	7.0	7.0	7.0		2.3		4.2	Thi lại	
76	2193360231	Trần Ngọc Hải Yển	27/12/2003	02DL12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại	
77	2193360255	Đặng Thị Kiều Oanh	12/12/1992	02DL12C1	6.0	6.0	6.0		4.3		5.0	Đạt	
78	2193360285	Nguyễn Kim Anh	03/02/2000	02DL12C1	6.0	6.0	6.0		6.3		6.2	Đạt	
79	2193360259	Bùi Nguyễn Minh Thảo	25/12/1994	02TM12C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt	HỌC VỚI LỚP ĐÊM
80	2193360017	Ngô Thị Như Ý	25/04/2001	02MK12C1	7.0	6.0	6.3		7.0		6.7	Đạt	HỌC VỚI LỚP ĐÊM
81	2193360121	Nguyễn Thị Thuỳ	18/04/2000	02MK12C1	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại	HỌC VỚI LỚP ĐÊM
82	2193360171	Đoàn Duy Vấn	03/11/2001	02TW12C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt	HỌC VỚI LỚP ĐÊM

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
Môn: VĂN 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
								4.0		6.0	6.0				
1	2193360040	Phạm Nguyễn Gia	Bảo	07/03/2004	02KT12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại		
2	2193360142	Phạm Gia	Bảo	07/03/2004	02TM12C1	6.0	7.0	6.7			4.5		5.4	Đạt	
3	2193360107	Nguyễn Trịnh Quốc	Bình	24/11/2004	02TM12C1	7.0	6.0	6.3			5.8		6.0	Đạt	
4	1193360096	Nguyễn Minh	Cao	20/05/1995	02TM12C1	8.0	7.0	7.3			4.5		5.6	Đạt	
5	2193360193	Trần Tào	Công	28/12/1990	02TM12C1	6.0	6.0	6.0			5.5		5.7	Đạt	
6	2193360050	Trần Ngọc	Hân	26/08/2004	02KT12C1	7.0	7.0	7.0			6.5		6.7	Đạt	
7	2193360219	Thái Gia	Hân	19/12/2004	02KT12C1	7.0	7.0	7.0			5.5		6.1	Đạt	
8	2193360139	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	27/03/2004	02MK12C1	8.0	7.0	7.3			6.8		7.0	Đạt	
9	2193360173	Trương Đỗ Hoàng	Hào	09/11/2004	02MK12C1	6.0	7.0	6.7			6.0		6.3	Đạt	
10	2193360175	Lê Quang	Hiên	19/04/2004	02MK12C1	6.0	6.0	6.0			4.8		5.3	Đạt	
11	2193360158	Hoàng Tuấn	Hưng	20/04/2001	02TW12C1	7.0	6.0	6.3					2.5	Thi lại	
12	2193360293	Nguyễn Ngọc Cẩm	Hương	05/03/2001	02MK12C1	6.0	6.0	6.0			5.8		5.9	Đạt	
13	2193360072	Liêu Thị	Hường	30/04/1990	02MK12C1	8.0	7.0	7.3			4.5		5.6	Đạt	
14	2193360063	Nguyễn Minh	Khang	12/06/2003	02TW12C1	8.0	8.0	8.0			5.8		6.7	Đạt	
15	2193360038	Nguyễn Trường Minh	Khoa	19/10/2004	02TW12C1	7.0	6.0	6.3			5.3		5.7	Đạt	
16	2193360092	Nguyễn Nam	Khoa	04/09/2003	02TM12C1	6.0	6.0	6.0			5.3		5.6	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
17	2193360043	Nguyễn Đăng	Khôi	15/10/2003	02TW12C1	6.0	7.0	6.7		4.8		5.5	Đạt	
18	2193360178	Nguyễn Hải	Lam	17/06/2004	02MK12C1	6.0	7.0	6.7				2.7	Thi lại	
19	2193360091	Mai Tùng	Lâm	29/04/2004	02TM12C1	6.0	7.0	6.7		5.5		6.0	Đạt	
20	2193360006	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	05/07/2000	02KT12C1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt	
21	2193360019	Nguyễn Chí	Linh	16/04/1999	02TW12C1	7.0	7.0	7.0		5.5		6.1	Đạt	
22	2193360041	Vũ Hoàng Thùy	Linh	18/02/2004	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt	
23	2193360054	Nguyễn Hoàng Tấn	Lộc	05/08/2004	02TM12C1	6.0	6.0	6.0		5.8		5.9	Đạt	
24	2193360044	Vũ Hoàng	Long	06/05/1988	02MK12C1	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại	
25	2193360134	Hồ Ngọc Khánh	Ly	14/12/2004	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		5.3		6.0	Đạt	
26	2193360261	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	20/12/1996	02MK12C1	6.0	6.0	6.0		5.3		5.6	Đạt	
27	2193360291	Vũ Đức Hoàng	Nam	15/02/1999	02TW12C1	8.0	7.0	7.3		4.8		5.8	Đạt	
28	2193360070	Nguyễn Thị Kim	Ngân	22/05/2003	02MK12C1	7.0	6.0	6.3		5.5		5.8	Đạt	
29	2193360181	Trịnh Ngọc	Ngân	24/04/2003	02MK12C1	7.0	6.0	6.3		4.5		5.2	Đạt	
30	2193360095	Thân Hoàng Đình	Nguyên	05/10/2004	02TW12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
31	2193360236	Nguyễn Hồng	Nguyên	23/09/1996	02MK12C1	7.0	6.0	6.3		5.5		5.8	Đạt	
32	2193360117	Nguyễn Thanh	Nhân	19/04/2004	02TW12C1	7.0	6.0	6.3		5.3		5.7	Đạt	
33	2193360160	Trương Lê Hoàng	Nhi	24/05/2004	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt	
34	2193360206	Dương Tuyết	Nhi	22/03/2004	02MK12C1	7.0	6.0	6.3		5.3		5.7	Đạt	
35	2193360128	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	24/10/2004	02TW12C1	7.0	7.0	7.0		4.8		5.7	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
36	2193360262	Hồ Liễu Quang	Phúc	30/01/2000	02TW12C1	7.0	7.0	7.0		5.5		6.1	Đạt	
37	2193360025	Nguyễn Hoàng Diễm	Quyên	08/02/2004	02TW12C1	7.0	7.0	7.0		5.5		6.1	Đạt	
38	2193360131	Nguyễn Đỗ Như	Quỳnh	02/04/2004	02TW12C1	6.0	6.0	6.0		5.5		5.7	Đạt	
39	2193360196	Hoàng Ngọc Nhật	Quỳnh	26/01/2002	02TM12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
40	2193360140	Văn Công	Tài	25/06/2003	02TM12C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại	
41	2193360187	Trần Văn	Thắng	03/11/2004	02KT12C1	5.0	6.0	5.7				2.3	Thi lại	
42	2193360098	Nguyễn Văn	Thiện	04/10/2004	02TM12C1	6.0	7.0	6.7		4.5		5.4	Đạt	
43	2193360122	La Nguyễn Anh	Thư	05/04/2004	02MK12C1	6.0	6.0	6.0		6.3		6.2	Đạt	
44	2193360003	Trịnh Lê Kim	Thủy	10/02/1993	02TW12C1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt	
45	2193360258	Phan Trần	Tiếng	13/06/1999	02TW12C1	7.0	6.0	6.3		4.8		5.4	Đạt	
46	2193360067	Dương Thị Thùy	Trang	01/08/2004	02KT12C1	7.0	7.0	7.0		4.0		5.2	Đạt	
47	2193360009	Vương Thùy Tú	Trinh	04/10/2003	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		4.8		5.7	Đạt	
48	2193360151	Nguyễn Hà Phương	Trinh	03/02/2004	02MK12C1	6.0	7.0	6.7		4.8		5.5	Đạt	
49	2193360089	Tô Thanh	Tùng	02/01/2004	02TM12C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại	
50	1193360105	Nguyễn Huỳnh Thế	Vinh	18/12/2002	02TW12C1	7.0	7.0	7.0		4.8		5.7	Đạt	
51	2193360249	Trương Thị Ngọc	Vy	23/09/2004	02KT12C1	7.0	6.0	6.3		5.8		6.0	Đạt	
52	2193360058	Nguyễn Tiến	Quốc	22/12/2004	02TM12C1	7.0	7.0	7.0		5.3		6.0	Đạt	
53	2193360285	Nguyễn Kim	Anh	03/02/2000	02DL12C1	7.0	6.0	6.3		5.5		5.8	Đạt	
54	2193360154	Hoàng Ngọc	Bảo	20/02/2002	02DL12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
55	2193360232	Trần Ngọc Mỹ	Duyên	26/03/2004	02DL12C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại	
56	1833620099	Vũ Thị Ngọc	Giang	15/08/2003	02DL12C1	7.0	6.0	6.3		6.3		6.3	Đạt	
57	2193360156	Phạm Ngọc Bảo	Hân	13/04/2004	02DL12C1	6.0	7.0	6.7				2.7	Thi lại	
58	2193360230	Trịnh Minh	Hằng	19/09/2003	02DL12C1	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại	
59	2193360035	Trịnh Quang	Huy	02/09/1998	02DL12C1	8.0	7.0	7.3		6.3		6.7	Đạt	
60	2193360069	Tăng Vĩ	Huy	26/11/2004	02DL12C1	7.0	8.0	7.7		6.0		6.7	Đạt	
61	2193360034	Trần Trung	Kiên	26/01/2002	02DL12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại	
62	2193360111	Trần Đức	Lợi	18/11/2002	02DL12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
63	2193360086	Nguyễn Trần Hoàng	Long	20/08/2004	02DL12C1	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại	
64	2193360066	Nguyễn Thùy Bảo	Ngân	04/12/2003	02DL12C1	6.0	7.0	6.7		3.5		4.8	Thi lại	
65	2193360191	Khổng Phương	Nhi	10/03/2004	02DL12C1	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại	
66	2193360077	Lê Trần Huỳnh	Như	24/02/2004	02DL12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
67	2193360255	Đặng Thị Kiều	Oanh	12/12/1992	02DL12C1	7.0	7.0	7.0		4.5		5.5	Đạt	
68	2193360124	Hồ Hương	Thùy	17/12/2004	02DL12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
69	2193360244	San Vinh	Tiến	07/03/2003	02DL12C1	8.0	7.0	7.3		5.5		6.2	Đạt	
70	2193360264	Ngô Mạnh	Tiến	06/09/2003	02DL12C1	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt	
71	2193360227	Đoàn Minh	Trung	30/11/2004	02DL12C1	6.0	6.0	6.0		5.5		5.7	Đạt	
72	2193360084	Dương Minh	Tú	19/11/2002	02DL12C1	6.0	7.0	6.7		5.5		6.0	Đạt	
73	2193360132	Nguyễn Dương Hoàng	Vũ	26/09/2004	02DL12C1	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
74	2193360031	Phan Đoàn Minh	Yến	26/04/2004	02DL12C1	7.0	8.0	7.7		3.3		5.0	Đạt	
75	2193360231	Trần Ngọc Hải	Yến	27/12/2003	02DL12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại	
76	2193360121	Nguyễn Thị	Thùy	18/04/2000	02MK12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	HỌC VỚI LỚP ĐÊM
77	2193360171	Đoàn Duy	Vấn	03/11/2001	02TW12C1	7.0	7.0	7.0		5.5		6.1	Đạt	HỌC VỚI LỚP ĐÊM
78	2193360017	Ngô Thị Như	Ý	25/04/2001	02MK12C1	7.0	7.0	7.0		5.5		6.1	Đạt	HỌC VỚI LỚP ĐÊM
79	2193360259	Bùi Nguyễn Minh	Thảo	25/12/1994	02TM12C1	6.0	7.0	6.7		5.5		6.0	Đạt	HỌC VỚI LỚP ĐÊM